

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LATINH (1945 – 2000)

Bài 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, khu vực Đông Bắc Á⁽¹⁾ có sự biến đổi to lớn, với sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên và sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Các quốc gia trong khu vực đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

I – NÉT CHUNG VỀ KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

Đông Bắc Á là khu vực rộng lớn (với tổng diện tích 10,2 triệu km²), đông dân nhất thế giới (khoảng 1,47 tỉ người – năm 2000) và có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Bắc Á (trừ Nhật Bản) đều bị chủ nghĩa thực dân nô dịch. Từ sau năm 1945, tình hình khu vực có nhiều biến chuyển.

Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã dẫn tới sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (10 – 1949). Chính quyền Tưởng Giới Thạch phải rút chạy ra Đài Loan và tồn tại ở đó nhờ sự giúp đỡ của Mĩ. Hồng Công và Ma Cao vẫn là những vùng đất thuộc địa của Anh và Bồ Đào Nha, cho đến cuối những năm 90 của thế kỉ XX mới trở về chủ quyền của Trung Quốc.

Sau khi thoát khỏi ách thống trị của quân phiệt Nhật Bản, trong bối cảnh của cuộc Chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên đã bị chia cắt thành hai miền theo vĩ tuyến 38. Tháng 8 – 1948, ở phía Nam bán đảo Triều Tiên, Nhà nước *Đại Hàn Dân quốc* (Hàn Quốc) được thành lập. Tháng 9 năm đó, ở phía Bắc, Nhà nước

(1) Nhật Bản nằm trong khu vực Đông Bắc Á, nhưng là một nước tư bản phát triển nên được trình bày ở chương IV.

Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ra đời. Tháng 6 – 1950, cuộc chiến tranh giữa hai miền bùng nổ, kéo dài đến tháng 7 – 1953. Hai bên kí Hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm, vĩ tuyến 38 vẫn được coi là ranh giới giữa hai nhà nước trên bán đảo.

Từ năm 2000, hai nhà lãnh đạo cao nhất của hai miền đã kí hiệp định hoà hợp giữa hai nhà nước, mở ra một bước mới trong tiến trình hoà hợp, thống nhất bán đảo Triều Tiên.



Hình 7. Lễ kí Hiệp định đình chiến tại Bàn Môn Điếm (7 – 1953)

Sau khi thành lập, các nước và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc Á bắt tay vào xây dựng và phát triển kinh tế. Trong nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đã đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trong bốn “con rồng” kinh tế châu Á thì ở Đông Bắc Á có ba (Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan), còn Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Trong những năm 80 – 90 của thế kỉ XX và những năm đầu của thế kỉ XXI, nền kinh tế Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng nhanh và cao nhất thế giới.

 Khu vực Đông Bắc Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai có sự biến đổi như thế nào ?

II – TRUNG QUỐC

Trung Quốc là nước rộng thứ ba thế giới (sau Nga và Canada) với diện tích gần 9,6 triệu km² và dân số đông nhất thế giới với 1,26 tỉ người (2000).

1. Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)

Sau khi chiến tranh chống Nhật kết thúc, từ năm 1946 đến năm 1949 ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản.

Ngày 20 – 7 – 1946, Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chiến tranh chống Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau giai đoạn phòng ngự tích cực (từ tháng 7 – 1946 đến tháng 6 – 1947), Quân giải phóng Trung Quốc đã chuyển sang phản công, lần lượt giải phóng các vùng do Quốc dân đảng kiểm soát.

Cuối năm 1949, cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Lực lượng Quốc dân đảng thất bại, phải rút chạy ra Đài Loan. Ngày 1 – 10 – 1949, nước *Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa* được thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Mao Trạch Đông.



Hình 8. Chủ tịch Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa

Với thắng lợi này, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Trung Quốc đã hoàn thành, chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến, đưa nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng sâu sắc tới phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

Bước vào thời kì xây dựng, nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Trung Quốc là đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá và giáo dục.

Trên cơ sở thắng lợi của công cuộc khôi phục kinh tế, cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hoá, giáo dục trong những năm 1950 – 1952, Trung Quốc bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm đầu tiên (1953 – 1957). Nhờ nỗ lực

lao động của toàn dân và sự giúp đỡ của Liên Xô⁽¹⁾, kế hoạch 5 năm đã hoàn thành thắng lợi. Bộ mặt đất nước có những thay đổi rõ rệt.

Trong những năm 1953 – 1957, đã có 246 công trình được xây dựng và đưa vào sản xuất. Đến năm 1957, sản lượng công nghiệp tăng 140%, sản lượng nông nghiệp tăng 25% (so với năm 1952). Trung Quốc đã tự sản xuất được 60% số máy móc cần thiết. Văn hoá, giáo dục có những bước tiến lớn. Đời sống nhân dân được cải thiện.

Về đối ngoại, Trung Quốc thi hành chính sách tích cực nhằm củng cố hoà bình và thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Ngày 18 – 1 – 1950, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

2. Trung Quốc những năm không ổn định (1959 – 1978)

Về đối nội, từ năm 1959 đến năm 1978, Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội. Với việc đề ra và thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng” năm 1958 (“Đường lối chung”, “Đại nhảy vọt”, “Công xã nhân dân”), các nhà lãnh đạo Trung Quốc hi vọng nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Cuộc “Đại nhảy vọt” được thực hiện bằng việc phát động toàn dân làm gang thép với mục tiêu đưa nhanh sản lượng thép lên gấp 10 lần chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1958 – 1962). Sau 4 tháng, đã có 11 triệu tấn thép ra lò, nhưng hầu hết chỉ là phế liệu.

Các hợp tác xã được sáp nhập lại thành các “Công xã nhân dân” tổ chức theo lối quân sự hoá, mọi sinh hoạt kinh tế – xã hội đều được bao cấp, làm cho sản xuất nông nghiệp giảm sút, nhiều nơi bị mất mùa.

Hậu quả là từ năm 1959, nạn đói đã diễn ra trầm trọng trong cả nước, đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất ngưng trệ, đất nước không ổn định.

Những khó khăn về kinh tế đã dẫn tới biến động về chính trị. Năm 1959, Lưu Thiểu Kỳ được cử làm Chủ tịch nước, Mao Trạch Đông chỉ giữ cương vị Chủ tịch Đảng Cộng sản. Trong nội bộ ban lãnh đạo Trung Quốc xảy ra sự bất đồng gay gắt về đường lối, dẫn tới cuộc tranh giành quyền lực, đỉnh cao là cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” (1966 – 1976).

Bằng việc sử dụng lực lượng Hồng vệ binh đập phá các cơ quan Đảng, chính quyền, cơ sở văn hoá ; lôi ra đấu tố, truy bức, nhục hình nhiều nhà cách mạng

(1) Liên Xô đã viện trợ cho Trung Quốc hơn 6 tỉ rúp, trên 1 000 hạng mục công trình, trong đó có 374 công trình đặc biệt lớn.

lão thành và nhiều nhà khoa học, văn nghệ sĩ, cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” đã để lại những hậu quả hết sức nghiêm trọng về mọi mặt đối với nhân dân Trung Quốc.

Sau khi Mao Trạch Đông qua đời (9 – 1976), trên toàn đất nước bắt đầu chiến dịch chống lại “Bè lũ bốn tên”⁽¹⁾. Trung Quốc dần dần đi vào ổn định.

Về đối ngoại, Trung Quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mĩ xâm lược của nhân dân Việt Nam cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi và Mĩ Latinh. Cũng trong thời kì này, đã xảy ra cuộc xung đột biên giới giữa Trung Quốc với Ấn Độ (1962), giữa Trung Quốc với Liên Xô (1969). Tháng 2 – 1972, Tổng thống Mĩ R. Níchxơn sang thăm Trung Quốc, mở đầu quan hệ mới theo hướng hoà dịu giữa hai nước.

3. Công cuộc cải cách – mở cửa (từ năm 1978)

Tháng 12 – 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới, do Đặng Tiểu Bình khởi xướng, mở đầu cho công cuộc cải cách kinh tế – xã hội của đất nước. Đường lối này được nâng lên thành *đường lối chung* của Đại hội XII (9 – 1982), đặc biệt là Đại hội XIII (10 – 1987) của Đảng : lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn, nhằm hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, với mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Từ khi thực hiện đường lối cải cách, đất nước Trung Quốc đã có những biến đổi căn bản. Sau 20 năm (1979 – 1998), nền kinh tế Trung Quốc tiến bộ nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

GDP tăng trung bình hằng năm trên 8%. Năm 2000, GDP của Trung Quốc vượt qua ngưỡng 1 000 tỉ USD, đạt 1 080 tỉ USD (tương đương gần 9 000 tỉ nhân dân tệ). Cơ cấu tổng thu nhập trong nước theo khu vực kinh tế có sự thay đổi lớn, từ chỗ lấy nông nghiệp làm chủ yếu, đến năm 2000 thu nhập nông nghiệp chỉ chiếm 16%, trong khi đó thu nhập công nghiệp và xây dựng tăng lên tới 51%, dịch vụ 33%. Từ năm 1978 đến năm 1997, thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng từ 134 lên 2 090 nhân dân tệ ; ở thành thị, tăng từ 343 lên 5 160 nhân dân tệ.

Khoa học – kĩ thuật, văn hoá, giáo dục Trung Quốc đạt nhiều thành tựu nổi bật.

(1) Bốn uỷ viên Bộ Chính trị : Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên và Trương Xuân Kiêu, là những người cầm đầu cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản”.



Hình 9. Cầu Nam Phở ở Thượng Hải


Năm 1964, Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử. Chương trình thám hiểm không gian được thực hiện từ năm 1992. Từ tháng 11 – 1999 đến tháng 3 – 2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu “Thần Châu” với chế độ tự động, và ngày 15 – 10 – 2003, con tàu “Thần Châu 5” cùng nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ đã bay vào không gian vũ trụ. Sự kiện này đưa Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới (sau Nga, Mĩ) có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ.

Về đối ngoại, chính sách của Trung Quốc có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế của nước này ngày càng được nâng cao.

Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc đã bình thường hoá về quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Ấn Độ, v.v. ; mở rộng sự hợp tác với nhiều nước trên thế giới.

Sau sự kiện quân đội Trung Quốc mở cuộc tiến công biên giới phía Bắc Việt Nam (2 – 1979), quan hệ hai nước xấu đi. Tháng 11 – 1991, hai nước đã bình thường hoá quan hệ ngoại giao.

Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (7 – 1997) và Ma Cao (12 – 1999). Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc, nhưng đến nay vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của nước này.

 – *Nêu những sự kiện chính trong những năm 1946 – 1949 dẫn tới việc thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự thành lập nhà nước này.*

– *Nêu nội dung cơ bản của đường lối cải cách của Trung Quốc và những thành tựu chính mà Trung Quốc đạt được trong những năm 1978 – 2000.*

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu các sự kiện thể hiện sự biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
2. Lập niên biểu các sự kiện chính trong lịch sử Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 2000.